

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM



QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÁY VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2021



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 119/QĐ-HĐQT-MVN ngày 01 tháng 06 năm 2021
của HĐQT Công ty)

CHƯƠNG 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính và việc phối hợp quan hệ công tác của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty và người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam.
2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Nhà đầu tư, nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
3. Người nội bộ của Công ty bao gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên Ủy ban Kiểm toán;
 - c) Giám đốc, các Phó Giám đốc;
 - d) Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm;
 - e) Người được uỷ quyền công bố thông tin của Công ty;
4. Người có liên quan: là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

d) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, thành viên UBKT và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

f) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

5. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế này.

6. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

7. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết: là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

8. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm: số thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố thì

11/9/2017
17/12/2017
17/12/2017
17/12/2017

phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về nội dung thông tin công bố bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu **10 năm**. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là **05 năm**;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là **05 năm**.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty là tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin.

1. Công ty thực hiện công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc cá nhân được ủy quyền.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin cho công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện việc ký duyệt báo cáo công bố thông tin.

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 và bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Cán bộ phụ trách công bố thông tin.

a) Cán bộ phụ trách công bố thông tin là người trực tiếp thực hiện việc công bố thông tin của Công ty theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

b) Có kiến thức về kế toán hoặc tài chính để có thể cập nhật, công bố chính xác thông tin của Công ty và giải đáp những thắc mắc, phản hồi của cổ đông về những thông tin liên quan đã được công bố.

c) Quản lý danh sách cổ đông. Thực hiện theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình biến động cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán. Theo dõi thông tin biến động cổ phiếu của cổ đông lớn, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty.

d) Chịu trách nhiệm lập Báo cáo tình hình quản trị Công ty và Báo cáo thường niên của Công ty theo đúng quy định.

3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân ghi nhận tại Khoản 2, Điều 1, Quy chế này có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc uỷ quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

a) Khi thực hiện công bố thông tin trong lần đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên.

b) Trường hợp uỷ quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được uỷ quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được uỷ quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu công bố thông tin theo quy định pháp luật;

Nhà đầu tư báo cáo, báo cáo lại người được uỷ quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 02 và Phụ lục 03 ban hành kèm Thông tư số 96/2020/TT-BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu **24 giờ** trước khi việc uỷ quyền có hiệu lực.

4. Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và pháp luật về hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (Website) của Công ty.
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- c) Hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định (báo in, báo điện tử...)

2. Công ty lập trang thông tin điện tử và thường xuyên cập nhật việc công bố thông tin theo quy định sau:

- a) Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

b) Trang thông tin điện tử phải có nội dung về các ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan đến nội dung này, chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo quy định của pháp luật

c) Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 điều này ngay sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính quý:

Công ty công bố báo cáo tài chính quý:

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của một tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính riêng của đơn vị mình và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc quý

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là “Báo cáo tài chính giữa niên độ” dạng đầy

đủ theo chuẩn mực kế toán. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến của kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn **5 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá **45 ngày** kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn **5 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán kỳ báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá **60 ngày** kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính năm phải là báo cáo tài chính năm dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán. Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, bao gồm cả báo cáo kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá **90 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Khi công bố thông tin báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố chênh lệch từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định nêu trên cả ở báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có.

5. Báo cáo thường niên

Hàng năm, Công ty lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là **20 ngày** sau ngày công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán nhưng không được vượt quá **110 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Định kỳ 6 tháng và năm, Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là **30 ngày** kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu **21 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nếu điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp;
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn **24 giờ** kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông tin trong vòng **24 giờ** kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả, ngoại trừ trường hợp phong toả theo yêu cầu của chính Công ty.
- b) Có văn bản hoặc quyết định tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.
- c) Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường, biên bản họp tài liệu kèm theo biên bản, biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp đại hội đồng cổ đông thông qua việc huỷ niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc huỷ niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ, ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật.

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức, quy định tách, gộp cổ phiếu.

f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu, mã số thuế của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; sửa đổi bổ sung điều lệ; sửa đổi chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán do quy định của pháp luật thay đổi); thông báo doanh nghiệp kiểm toán ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); hủy hợp đồng kiểm toán đã ký; doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính.

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, hoặc người có liên quan của Công ty.

j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, hoặc chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi, trái phiếu thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quy theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ, nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong **10 ngày đầu tiên** của tháng trên cơ sở giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty phải nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo mẫu Phụ lục số 03 Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính 6 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp là Công ty mẹ thì căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất.

m) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối

với người nội bộ của Công ty.

n) Khi nhận được bản án, quyết định của toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế.

o) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

p) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị công ty.

r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a) Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 7 Quy chế này.

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin trong trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và mới theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn **10 ngày**, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá **90 ngày** kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

1. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu **10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

2. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu **20 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

1. Công ty thực hiện Công bố thông tin về việc mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về mua, bán cổ phiếu quỹ.

2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu quỹ, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong số kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông

báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về các hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động đó và báo cáo sử dụng vốn theo quy định của pháp luật về việc chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng **24 giờ** kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- b) Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Thời điểm chấm dứt việc công bố thông tin của Công ty

Trong thời hạn **01 năm** kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn.

CHƯƠNG III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 14. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc khi không còn là cổ đông lớn, phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng từ **1%** số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty trong thời hạn **05 ngày làm việc** kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ **5%** số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng **1%** nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 8, Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ **5%** trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

5. Quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 điều này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng **03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo có liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng quy định tại Điều này.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty.

1. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty phải công bố thông tin và báo cáo trước và sau khi giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán khi giá trị dự kiến **giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên**, hoặc **giá trị dự kiến giao dịch trong tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá cổ phiếu, hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu)** kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (như các giao dịch tặng cho hoặc được tặng cho, thừa kế, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến giao dịch **tối thiểu 3 ngày làm việc**, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 08 hoặc Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT - BTC.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch **không quá 30 ngày** kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở Giao Dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở Giao dịch chứng khoán.

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.

d) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin về kết quả giao dịch, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục số 15 hoặc Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ thì vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ, đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

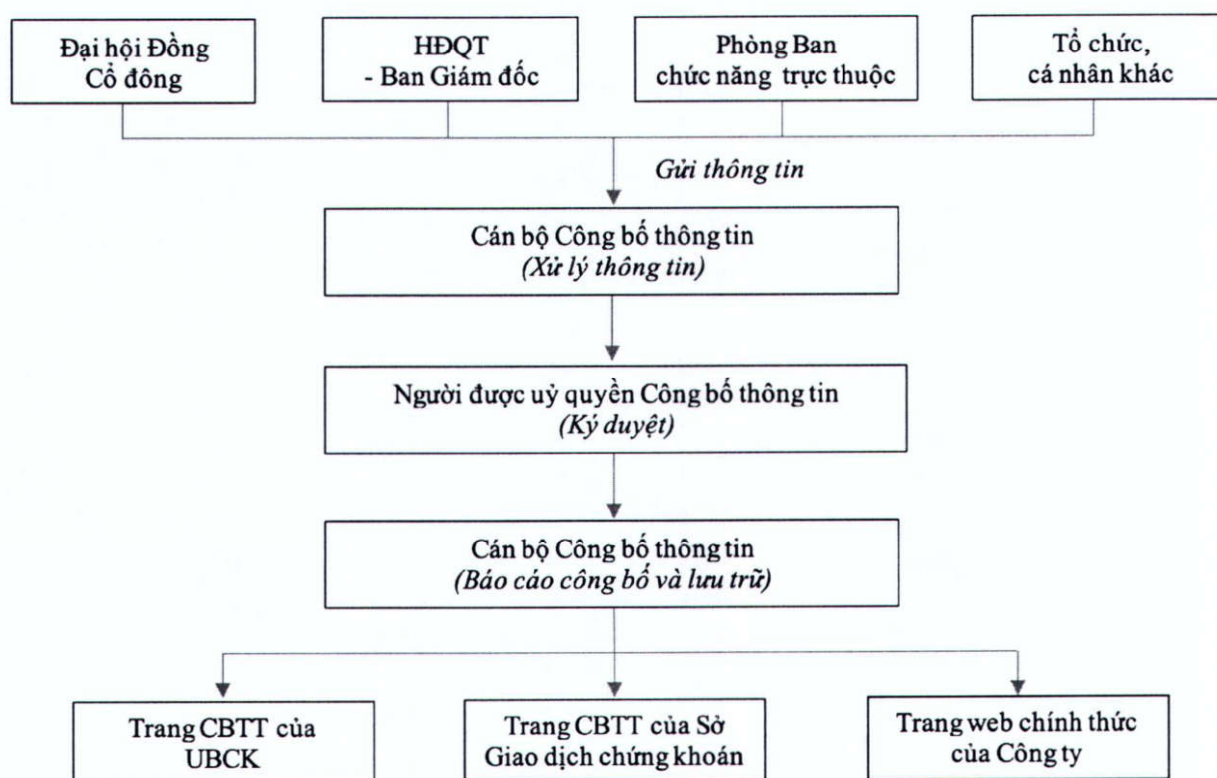
6. Sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn **03 ngày làm việc**.

CHƯƠNG IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 16. Quy trình công bố thông tin.

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty được công khai, minh bạch và kịp thời theo đúng quy định.

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin



2. Diễn giải

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định tại Chương II và Chương III, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gửi đến **Cán bộ phụ trách công bố thông tin**. Thời hạn gửi tài liệu và thông tin cần công bố quy định như sau:

- Đối với thông tin công bố định kỳ: chậm nhất **03 ngày làm việc** trước thời hạn phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
- Đối với việc công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán: trong vòng **12 giờ** kể từ khi xảy ra sự kiện. Phụ trách các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho **Cán bộ phụ trách công bố thông tin**.
- Đối với các thông tin cần công bố khác: chậm nhất **02 ngày làm việc** trước thời hạn phải công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

- Cán bộ phụ trách công bố thông tin tiếp nhận và kiểm tra các thông tin.
- Chọn lọc thông tin.
- Yêu cầu cung cấp lại thông tin nếu xét thấy có sai lệch.
- Hoàn chỉnh nội dung và trình Người được uỷ quyền công bố thông tin ký duyệt.

Bước 3: Báo cáo, công bố và lưu trữ

- Gửi nội dung công bố thông tin bằng văn bản và dữ liệu điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Công bố nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- Thông tin sau khi đã được báo cáo và công bố sẽ được **Cán bộ phụ trách công bố thông tin lưu trữ** theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Quy chế này để phục vụ cho cổ đông và các nhà đầu tư trong việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của Người được uỷ quyền công bố thông tin và Cán bộ phụ trách công bố thông tin.

1. Cán bộ phụ trách công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

Có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.

Nếu có phát sinh những nội dung khác ngoài những nội dung phải công bố thông tin được nêu tại Chương II, Chương III của Quy chế này, các bộ phận trong Công ty phải cung cấp kịp thời các nội dung phát sinh theo yêu cầu của **Cán bộ phụ trách công bố thông tin** (yêu cầu này được áp dụng kể cả đối với Tổ chức và cá nhân khác nếu có).

Trường hợp sau khi công bố thông tin mà nhận được ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin đã công bố, cán bộ phụ trách công bố thông tin có trách nhiệm

kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin đó trong vòng **24 giờ**, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin đó theo đúng quy định.

2. **Người được uỷ quyền công bố thông tin** có trách nhiệm giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty về việc thực hiện công bố thông tin.

Báo cáo với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về việc thực hiện công bố thông tin khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty.

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc cung cấp thông tin.

Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần được công bố cho Cán bộ phụ trách công bố thông tin theo đúng nội dung Quy chế này.

Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Cán bộ phụ trách công bố thông tin.

Điều 19. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm

1. Công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán trước khi thực hiện.

2. Quy chế công bố thông tin được ban hành và phổ biến đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty.

3. Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến việc công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định của Công ty và của pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin gồm 05 Chương và 20 Điều, có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2021. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành quy chế này.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội Đồng Quản Trị Công ty quyết định./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Thu Huyền

